TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị D; ĐKHKTT: Tổ dân phố 01, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Quang Đ; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cao Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh Đ ở thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ

đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh Lưu Quang Đ đã sống ly thân từ năm 2005, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, kéo dài không thể khắc phục được, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Quang Đ.

Về con chung: Chị và anh Lưu Quang Đ có 02 con chung là Lưu Nguyên Ng, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1990 và Lưu Quang S, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị để các con tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị và anh Lưu Quang Đ tự thỏa thuận phân chia, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lưu Quang Đ:

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lưu Quang Đ để anh Lưu Quang Đ đến Toà án nhân dân huyện An Dương giải quyết việc chị Cao Thị D xin ly hôn nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Cao Thị D đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lưu Quang Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, vi phạm các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Cao Thị D được ly hôn với anh Lưu Quang Đ; Về con chung: Các con chung Lưu Nguyên Ng, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1990 và Lưu Quang S, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Cao Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn anh Lưu Quang Đ: Bị đơn là anh Lưu Quang Đ đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt tại Toà án không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lưu Quang Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh Lưu Quang Đ không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có quan điểm của anh Đ về việc chị Cao Thị D xin ly hôn nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Cao Thị D và anh Lưu Quang Đ tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1992. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005, không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh Lưu Quang Đ đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ. Tuy nhiên anh Lưu Quang Đ vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Cao Thị D và anh Lưu Quang Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn mà chị Cao Thị D đưa ra là có căn sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Cao Thị D được ly hôn với anh Lưu Quang Đ.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị D và anh Lưu Quang Đ có 02 con chung là Lưu Nguyên Ng, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1990 và Lưu Quang S, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1999. Do các con chung của chị Cao Thị D và anh Lưu Quang Đ đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung*:* Chị Cao Thị D có quan điểm chị và anh Lưu Quang Đ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lưu Quang Đ không có lời khai, vắng mặt tại phiên toà nên không có quan điểm về tài sản. Vì vậy không có quan điểm của anh Lưu Quang Đ về tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản. Khi các đương sự có yêu cầu, Toà án sẽ xem xét giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị D. Xử cho chị Cao Thị D được ly hôn với anh Lưu Quang Đ.

2. Về án phí: Chị Cao Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Cao Thị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện A (Biên lai thu tiền số 0015262 ngày 07 tháng 8 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- UBND xã H (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi